

Tên: .....

Viết: .....

Lớp: S4...

Ngày làm bài: Thứ ....., ngày ...../.....



## GLOBAL ENGLISH 4

### Unit 2: Earth and beyond - Grammar 2 & Writing

Imagine you are an astronaut. You are going to travel into space.

Write 4-6 sentences about your journey.

**Checklist:**

- Use "be going to" for plans & activities.
- Use **Present Simple** for feelings & facts.
- Say **where** you are going in space, **how** you travel there, **what** you can see, **what** you do, **how** you feel.
- Write **4-6 sentences** with correct grammar & spelling.

#### Nouns

rocket  
astronaut  
planet  
spaceship  
star

#### Verbs

travel  
fly  
see  
explore  
land

#### Adjectives

exciting  
dangerous  
beautiful  
bright  
amazing

#### Adverbs

slowly  
carefully  
clearly  
sometimes  
usually

#### Conjunctions

and  
but  
because  
then  
so

#### Let's write!

I am going to .....

I am going there by .....

In space, I can see .....

.....

.....

.....

I also ..... in space.

The journey is.....

I feel..... because .....

Tên: .....

Lớp: S4...

Ngày giao bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Ngữ pháp: .....

Đọc & Viết: .....

Mini test: .....



## GLOBAL ENGLISH 4

### Unit 2: Earth and beyond - Grammar 2 & Writing

**A. GRAMMAR: Superlatives with short and long adjectives** (So sánh nhất với tính từ ngắn và tính từ dài)

– **Cách dùng:** So sánh nhất trong tiếng Anh được dùng cho **3 đối tượng trở lên**.

| Cấu trúc                                          | Ví dụ                                                                                                                       |
|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| S + to be + <b>short adj-est</b> + N              | This is the <b>tallest</b> building in the city.<br>(Đây là tòa nhà <b>cao nhất</b> trong thành phố.)                       |
| S + to be + <b>the most</b> + <b>long adj</b> + N | She is the <b>most intelligent</b> student in our class.<br>(Cô ấy là học sinh <b>thông minh nhất</b> trong lớp chúng tôi.) |

**Note:** S = Subject: Chủ ngữ, N = Noun: danh từ; adj = adjective: tính từ

**\*Lưu ý 1:**

- **Short adj** (Tính từ ngắn) là các tính từ có **một âm tiết**. (tall, short, big, small, old, young, ...)
- **Long adj** (Tính từ dài) là tính từ có từ **2 âm tiết trở lên**. (intelligent, beautiful, expensive, interesting, ...)

**\*Lưu ý 2:**

|                                                                                                            |                                         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1. Tính từ hai âm tiết tận cùng bằng <b>-er, -le, -ow, -et</b> thì coi là tính từ ngắn.                    | simple – simplest<br>narrow – narrowest |
| 2. Tính từ có đuôi <b>-y</b> , chuyển <b>-y</b> thành <b>-i</b> rồi thêm <b>-est</b> .                     | dirty – dirtiest<br>happy – happiest    |
| 3. Với tính từ ngắn, nếu trước phụ âm cuối là một nguyên âm thì gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm <b>-est</b> . | big – biggest<br>sad – saddest          |

### MỘT SỐ TÍNH TỪ SO SÁNH NHẤT Ở DẠNG ĐẶC BIỆT

| No. | Adjective   | Superlative form            | Meaning |
|-----|-------------|-----------------------------|---------|
| 1   | good        | the best                    | tốt     |
| 2   | bad         | the worst                   | tồi tệ  |
| 3   | little      | the least                   | ít      |
| 4   | much / many | the most                    | nhiều   |
| 5   | far         | the furthest / the farthest | xa      |

### B. EXTRA VOCABULARY

| No. | New word         | Meaning           | No. | New word            | Meaning                                            |
|-----|------------------|-------------------|-----|---------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | <b>sail</b> (v)  | lái thuyền buồm   | 4   | <b>press</b> (v)    | ấn                                                 |
| 2   | <b>lend</b> (v)  | cho mượn, cho vay | 5   | <b>wildlife</b> (n) | đời sống hoang dã; động vật (và thực vật) hoang dã |
| 3   | <b>shelf</b> (n) | cái kệ, giá để đồ | 6   | <b>ring</b> (v)     | gọi điện                                           |

❖ **Note:** n = noun: danh từ; v = verb: động từ.

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

## C. HOMEWORK

### I. Choose the correct answers.

0. Mount Everest is \_\_\_\_\_ mountain in the world.  
 (A) the tallest                      B. most tall                      C. the taller
1. This is \_\_\_\_\_ movie I have ever watched.  
 A. the more exciting              B. excitingest                      C. the most exciting
2. January is usually \_\_\_\_\_ month of the year in Canada.  
 A. the coldest                      B. most cold                      C. the colder
3. She is \_\_\_\_\_ student in our English class.  
 A. intelligentest                      B. the most intelligent              C. the intelligenter
4. Yesterday was \_\_\_\_\_ day of the summer.  
 A. most hot                      B. the hottest                      C. the hotter
5. That was \_\_\_\_\_ story I have ever heard.  
 A. interestingest                      B. the interestinger                      C. the most interesting

### II. Complete the sentences with the SUPERLATIVE form of the adjective in parentheses.

0. My mum is the most loving (loving) person in my family.
1. That was \_\_\_\_\_ (fantastic) concert I have ever been to.
2. He is \_\_\_\_\_ (fair) headteacher in our school.
3. Among all the students, Anna is \_\_\_\_\_ (lively) girl in the class.
4. This librarian is \_\_\_\_\_ (caring) teacher in the school.
5. Yesterday was \_\_\_\_\_ (brilliant) day of our trip.

### III. Write sentences in the PRESENT SIMPLE using the SUPERLATIVE form of the adjectives.

0. This cook / good / in the restaurant.  
 → This cook is the best in the restaurant.
1. Surfing / exciting / sport / at the beach.  
 → \_\_\_\_\_.
2. Snowboarding / dangerous / activity / in the mountains.  
 → \_\_\_\_\_.
3. This caretaker / helpful / person / in the school.  
 → \_\_\_\_\_.
4. Karate / popular / hobby / in my town.  
 → \_\_\_\_\_.
5. The school nurse / busy / worker / in the school.  
 → \_\_\_\_\_.

## Part 3

– 5 questions –

Michael is talking to his friend Tom about his school holidays.

Read the conversation and choose the best answer.  
Write a letter (A–H) for each answer.

You do not need to use all the letters. There is one example.

### Example



**Michael:** Hi, Tom. Have you been on holiday?



**Tom:** ..... E .....



**Michael:** Did you have fun on your holiday?



**Tom:** .....



**Michael:** Where did you go?



**Tom:** .....



**Michael:** What was the weather like there?



**Tom:** .....



**Michael:** What did you do there?



**Tom:** .....



**Michael:** Well, I stayed at home which is boring, isn't it?



**Tom:** .....



- A I won't enjoy going there.
- B Yes, I did. It was great, thanks.
- C Lots of different things but I sailed a lot.
- D It's going to rain again tomorrow.
- E Yes, I have. I arrived home yesterday. **(Example)**
- F It was sunny for most of the time.
- G Perhaps next year you'll go away, too.
- H To a place called Smalltown, near the sea.

## Questions 1-6

For each question, choose the correct answer.

1

### EMAIL

**From:** Ewan

**To:** Andy

Andy, I need to borrow your laptop. Mine broke yesterday. Can I come and pick it up after dinner?

Write soon!

**What does Ewan want Andy to do?**

- A. go and buy a laptop with him
- B. lend him his laptop

2

### SCHOOL CANTEEN

MAKE SURE YOUR TABLE  
IS CLEAN BEFORE  
YOU LEAVE

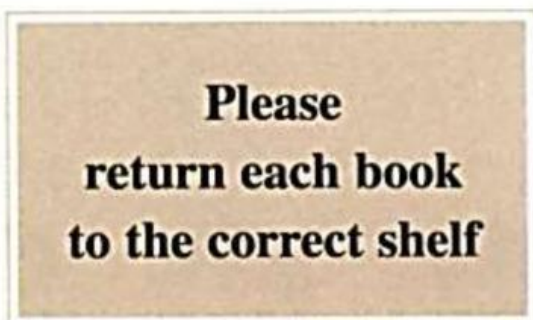
- A. The table may be clean before you eat.
- B. You must clean the table at the end of your meal.

3

Press any key to start the game

- A. Do not press any key if you want to play.
- B. You can't play if you don't press a key.

4



- A. Put the books you use back on their shelves.
- B. Check that the right books are on each shelf.

5



- A. You'll get a discount if you buy 30 tickets.
- B. The ticket is more expensive if you are alone.

6



- Terry wants Annie to**
- A. give him some money.
  - B. make a phone call.